

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHOÁ XVII)**  
**về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng**  
**công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025**

-----

**I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH**

Những năm qua, với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kết quả đầu tư, xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin (*sau đây viết tắt là KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT*) của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác quy hoạch KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT được chú trọng; nguồn lực đầu tư hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT được quan tâm; mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông phát triển mạnh, tỷ lệ cứng hóa cao, nhất là hệ thống giao thông nông thôn, nhiều công trình giao thông trọng điểm được triển khai xây dựng<sup>1</sup>... Hệ thống đô thị phát triển tương đối nhanh, nhất là ở trung tâm các huyện, thành phố, thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II, trung tâm 06 huyện còn lại đạt tiêu chí đô thị loại V, nhiều khu đô thị, khu dân cư mới được hình thành; tỷ lệ đô thị hóa từng bước được nâng lên, diện mạo các đô thị trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đổi mới, khởi sắc, sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh... Hạ tầng công nghệ thông tin phát triển sâu rộng, đồng bộ, chất lượng ngày càng được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác, học tập, kinh doanh, sản xuất trong khối cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân phát triển mạnh... Những kết quả nổi bật này, đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo thêm niềm tin, phấn khởi cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân cả ở thành thị và nông thôn.

*Tuy nhiên*, so với yêu cầu, hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT của tỉnh còn hạn chế. Quy hoạch và chất lượng quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; công tác huy động nguồn lực đầu tư hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT chưa hiệu quả; tính đồng bộ, hiện đại, kết nối của hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT

---

<sup>1</sup> Tỷ lệ cứng hóa mặt đường (nhựa hóa, bê tông hóa): Quốc lộ đạt 100%; đường tỉnh đạt 87,64%; đường đô thị đạt 98,71%; đường huyện đạt 59,26%; đường xã, trục thôn đạt 70,21%; triển khai đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; hoàn thành và đưa vào sử dụng một số cầu lớn: cầu Bình Ca, cầu Tình Húc vượt sông Lô...; các tuyến đường đô thị tại thị trấn Na Hang, thị trấn Vĩnh Lộc, trung tâm huyện Lâm Bình, huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang...



chưa cao; ứng dụng công nghệ hiện đại chưa nhiều; lợi thế của hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT đã đầu tư chưa được khai thác hiệu quả; quản lý Nhà nước đối với quá trình phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT có nơi chưa chặt chẽ... chưa tạo được sự đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh của địa phương.

*Nguyên nhân:* Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền các cấp có lúc, có nơi, có việc còn hạn chế; công tác quy hoạch kết cấu hạ tầng chưa thực sự được quan tâm, chất lượng quy hoạch chuyên ngành còn thấp, thiếu tính đồng bộ, kết nối và tầm nhìn dài hạn; quản lý thực hiện quy hoạch còn hạn chế; nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT còn khó khăn, có lúc còn dãn trải; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, nhất là phát huy lợi thế về đất đai, phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch... chất lượng cải cách hành chính về lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng còn hạn chế; trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tham mưu, thực thi quản lý Nhà nước về phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT chưa đáp ứng với yêu cầu...

## **II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

Phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT góp phần thực hiện thắng lợi định hướng, mục tiêu, đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT; phù hợp với Quy hoạch, Chiến lược về phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT của Quốc gia và Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh cả giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Quan tâm, thực hiện tốt công tác quy hoạch hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT, đảm bảo tổng thể, phổ quát khi lập quy hoạch, có lộ trình, thứ tự ưu tiên khi thực hiện; tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, có tính đột phá, phạm vi ảnh hưởng rộng, sức lan tỏa cao, phát huy được tiềm năng, lợi thế các vùng, khu vực, phục vụ đắc lực cho sự phát triển của tỉnh, nhất là tạo sức hấp dẫn thu hút đầu tư; quy hoạch và đầu tư xây dựng KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT bảo đảm đồng bộ, có tính kết nối cao, hiện đại, thông minh gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và mục tiêu, yêu cầu tăng trưởng xanh, phù hợp với không gian cảnh quan, văn hóa, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo lập không gian sống hài hòa, chất lượng cao cho Nhân dân... tạo bước đột phá về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của hệ thống chính trị cả trước mắt và lâu dài; vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ



của toàn xã hội, của mọi công dân, doanh nghiệp. Cần đa dạng hóa các giải pháp huy động nguồn lực, trong đó cân đối hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực Nhà nước; tích cực huy động sự tham gia từ nguồn lực xã hội; lấy đầu tư công dẫn dắt, hỗ trợ, phát huy, thu hút, huy động đầu tư tư.

## **2. Mục tiêu**

### ***2.1. Mục tiêu chung***

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; tập trung nguồn lực để đầu tư, phát triển, hình thành nhanh hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT bảo đảm đồng bộ, hiện đại, bền vững; ưu tiên đầu tư và hoàn thành sớm các dự án quan trọng tạo sự đột phá, có sức lan tỏa, sớm phát huy hiệu quả, tạo điều kiện khai thác nguồn lực mới, phục vụ đặc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Đầu tư, xây dựng, phát triển hệ thống giao thông cơ bản đồng bộ, chất lượng cao, kết nối sâu rộng; phát triển đô thị, đô thị động lực, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa bảo đảm bền vững, chất lượng cao; xây dựng hệ thống hạ tầng và nguồn nhân lực công nghệ thông tin ở các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh..., góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

### ***2.2. Mục tiêu cụ thể***

#### ***2.2.1. Về kết cấu hạ tầng giao thông***

Phấn đấu đến năm 2025, cơ bản hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đồng bộ, kết nối nội vùng, liên vùng trong tỉnh, các vùng kinh tế của tỉnh với các tỉnh lân cận và hệ thống giao thông quốc gia; ưu tiên kết nối các trung tâm, các vùng kinh tế trọng điểm trong tỉnh, nhất là với các trung tâm kinh tế của các tỉnh trong vùng, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh cả trước mắt và lâu dài, cụ thể:

Hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; phối hợp với các cơ quan Trung ương, các địa phương có liên quan thực hiện đầu tư xây dựng các trục đường kết nối quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, du lịch; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh (đoạn qua địa bàn tỉnh), các tuyến đường tỉnh bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch; triển khai đầu tư xây dựng một số cầu vượt sông Lô, sông Gâm và sông Phó Đáy... Tiếp tục thực hiện nâng cấp một số tuyến đường huyện lên đường tỉnh và đường tỉnh lên quốc lộ, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, nhu cầu giao thông.



Hoàn thành nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã vào năm 2022; phần đầu trên 70% đường trục chính qua trung tâm xã, qua các khu đông dân cư có điều kiện được đầu tư xây dựng với quy mô theo hướng đường đô thị; trên 85% đường thôn và trên 65% đường nội đồng được cứng hóa; đầu tư xây dựng trên 56% cầu trên đường giao thông nông thôn; 100% thôn, tổ dân phố có đường ô tô đến trung tâm.

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp một số bến cảng, bến thủy nội địa, bến xe khách, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe... Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư các trục giao thông kết nối, liên kết vùng, trục phát triển đô thị động lực, du lịch, dịch vụ, các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch, quản lý và khai thác hiệu quả quỹ đất dọc hai bên các tuyến đường có lợi thế; cải tạo tuyến đường thủy trên sông Lô đoạn từ thành phố Tuyên Quang đến thị trấn Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để đề xuất quy hoạch, đầu tư xây dựng đường sắt và sân bay nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh và vùng lân cận...

### 2.2.2. Về đô thị động lực

Đẩy mạnh các giải pháp quy hoạch, phát triển đô thị, đô thị động lực, đô thị vệ tinh chất lượng cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, đến năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt trên 27%; tạo tiền đề vững chắc đến năm 2030 đạt trên 35% và đến năm 2045 đạt trên 50%. Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị động lực có chất lượng cao, tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh cho các vùng nói chung, các đô thị lân cận, các ngành, lĩnh vực khác nói riêng, trong đó:

Xây dựng thành phố Tuyên Quang làm đô thị hạt nhân, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ của tỉnh; thị trấn Na Hang làm đô thị lõi vùng phía Bắc, là đô thị dịch vụ gắn với phát triển du lịch Khu Danh thắng Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình; thị trấn Sơn Dương làm đô thị lõi vùng phía Nam, là đô thị công nghiệp, dịch vụ gắn với quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Tân Trào.

Phân đầu đến năm 2025, thành phố Tuyên Quang hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II; thị trấn: Sơn Dương (huyện Sơn Dương); Vĩnh Lộc (huyện Chiêm Hóa) đạt tiêu chí đô thị loại IV; thị trấn: Lãng Can (huyện Lâm Bình); Na Hang (huyện Na Hang); Tân Yên (huyện Hàm Yên); Yên Sơn (huyện Yên Sơn) theo hướng tiêu chí của đô thị loại IV; quy hoạch, xây dựng 16 đô thị mới tại trung tâm xã có điều kiện thuộc các huyện theo hướng các tiêu chí cơ bản của đô thị loại V làm đô thị vệ tinh.

Thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, chất lượng cao tại Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, đô thị tại các khu, cụm

công nghiệp và những nơi có điều kiện theo hướng đô thị hiện đại, thông minh, đô thị xanh, thân thiện, có kiến trúc, bản sắc văn hóa đặc trưng...

### 2.2.3. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Phấn đấu đến năm 2023, 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh có Internet băng thông rộng. Triển khai xây dựng và cung cấp dịch vụ 5G tại thành phố Tuyên Quang, khu vực trung tâm các huyện và các khu, điểm du lịch, khu, cụm công nghiệp, các khu tập trung đông dân cư, các khu dịch vụ... Phấn đấu số hóa, tạo lập và kết nối liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng Công cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang.

100% các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện phải được cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin cấp tỉnh thẩm định.

100% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4 hoạt động trên nền tảng di động, phục vụ hiệu quả cho người dân, các tổ chức và doanh nghiệp.

100% các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn hoàn thành đầu tư, lắp đặt và thường xuyên sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối thông suốt ba cấp (tỉnh, huyện, xã) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

100% các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách hoặc phụ trách công nghệ thông tin khai thác, sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh; hoàn thành xây dựng mạng diện rộng (WAN) tỉnh Tuyên Quang đáp ứng cho phát triển chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Đảm bảo liên thông, thông suốt và an toàn thông tin toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh.

## III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

### 1. Về kết cấu hạ tầng giao thông

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập quy hoạch mới hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng giao thông của Quốc gia, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh cả trước mắt và lâu dài; quản lý và thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt.

Tập trung đầu tư xây dựng một số tuyến giao thông trọng điểm của tỉnh đảm bảo sớm hoàn thành, kết nối thông suốt với các đầu mối giao thông trong khu vực miền núi phía Bắc và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; quy hoạch và dẫn hình



thành tuyến đường vành đai thành phố Tuyên Quang; kết hợp phát triển giao thông với nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; phối hợp thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối tỉnh Hà Giang với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; đường liên vùng kết nối Khu du lịch Ba Bể (Bắc Kạn) - Na Hang, Lâm Bình (Tuyên Quang); đường Hồ Chí Minh (đoạn còn lại qua địa bàn tỉnh); Quốc lộ 37 (đoạn qua địa bàn tỉnh); Quốc lộ 2C (đoạn từ thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa đến Khu danh thắng Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình)...

Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì 474 km quốc lộ. Trong đó, ưu tiên đầu tư nâng cấp mặt đường Quốc lộ 280, Quốc lộ 2D đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; cải tạo, nâng cấp mặt đường Quốc lộ 3B từ Km31 Quốc lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang) qua huyện Chiêm Hóa; đề nghị bổ sung quy hoạch, nâng cấp một số tuyến đường lên thành Quốc lộ 2C, Quốc lộ 2D.

Cải tạo, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp 450 km đường tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh ĐT.185 (đoạn từ thị trấn Na Hang đi xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình), tuyến đường tỉnh ĐT.186 (đoạn từ Khu công nghiệp Long Bình An đi xã Hồng Lạc, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương); tuyến đường tỉnh ĐT.185 (đoạn từ cầu Thiện Kế đến xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) và một số đoạn tuyến đường tỉnh quan trọng khác.

Hoàn thiện, cải tạo và chỉnh trang các tuyến đường đô thị, tuyến đường vành đai thành phố Tuyên Quang, nâng cao năng lực phục vụ, giảm ách tắc giao thông. Ưu tiên đầu tư các trục đường phát triển đô thị tại thành phố Tuyên Quang (*đường từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn; đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi suối khoáng Mỹ Lâm; đường Lý Thái Tổ; đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến Quốc lộ 2D kết nối với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ...*) và trục đường phát triển đô thị tại trung tâm các huyện; một số tuyến đường quan trọng khác đến các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, hình thành hệ thống hạ tầng giao thông cơ bản đồng bộ, hoàn thiện cho đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nói chung, trọng tâm là phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, du lịch, công nghiệp...

Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa 170 km đường huyện; hoàn thành nhựa hóa, bê tông hóa 15,2 km còn lại của đường từ trung tâm các huyện đến trung tâm các xã; đầu tư xây dựng trên 35 km đường trục chính qua trung tâm xã và những nơi có điều kiện quy mô theo hướng đường đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn theo phương thức "*Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*"; hoàn thành Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên



đường giao thông nông thôn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường giao thông nông thôn đã đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025.

Cải tạo, sửa chữa và xây mới các cầu lớn vượt sông Lô, vượt sông Gâm, vượt sông Phó Đáy và các công trình cầu quan trọng khác trên địa bàn tỉnh (*cầu Km71, Quốc lộ 2 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên; cầu Xuân Vân, huyện Yên Sơn; cầu Trường Thi, thành phố Tuyên Quang; cầu Sơn Dương 2, thị trấn Sơn Dương; cầu Sơn Nam - Ninh Lai và cầu Trắng 2, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương...*); cải tạo tuyến đường thủy trên sông Lô đoạn từ thành phố Tuyên Quang đến thị trấn Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới bến xe khách Tuyên Quang, bến xe khách huyện Lâm Bình và bến xe khách huyện Hàm Yên...; các trạm dừng nghỉ, điểm dừng chân, điểm tham quan du lịch trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đến các khu, điểm du lịch...; các bãi đỗ xe trên địa bàn các huyện, thành phố (trong đó, trung tâm các huyện tối thiểu có 01 bãi đỗ xe, riêng đối với thành phố Tuyên Quang khoảng 13 bãi đỗ xe); đầu tư xây dựng mới cảng cạn Tuyên Quang; 09 bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (huyện Lâm Bình: 02 bến; huyện Yên Sơn: 04 bến; huyện Sơn Dương: 03 bến); thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý các bến xe khách trên địa bàn các huyện, bảo đảm hoạt động hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, hành lang an toàn và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có; quản lý chặt chẽ chất lượng công trình ngay từ khâu lựa chọn, khảo sát, thiết kế, lập dự án đảm bảo phát huy hiệu quả nguồn vốn, tránh lãng phí đối với các công trình, dự án cải tạo, xây dựng mới; có giải pháp xử lý các đoạn tuyến, vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông để giảm thiểu tai nạn giao thông và tránh ùn tắc giao thông. Chú trọng trồng cây xanh theo chủ đề ở những tuyến đường nâng cấp, mở mới, những tuyến đường trực phát triển đến các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch tạo không gian, cảnh quan xanh, đẹp, đảm bảo sinh thái, phục vụ phát triển du lịch.

Nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để đề xuất đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái; lập báo cáo đánh giá, đề nghị bổ sung quy hoạch và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng sân bay tại Khu danh thắng Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển tiềm năng, lợi thế du lịch nói riêng, phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

## **2. Về đô thị động lực**

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập quy hoạch mới đô thị nói chung, đô thị động lực, đô thị vệ tinh nói riêng; quản lý, thực hiện tốt các quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bền vững, theo hướng đô thị xanh, đô thị văn minh, phù hợp với không gian cảnh quan, không gian văn hóa,



nâng cao chất lượng không gian sống cho Nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo môi trường, có tính kết nối giữa các đô thị và gắn kết phát triển đô thị và phát triển nông thôn.

Quy hoạch, xây dựng các đô thị động lực: Vùng trung tâm, bao gồm thành phố Tuyên Quang và các vùng phụ cận, lấy đô thị thành phố Tuyên Quang làm đô thị hạt nhân; vùng núi phía Bắc, bao gồm các huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, lấy đô thị thị trấn Na Hang làm đô thị lõi; vùng phía Nam, bao gồm huyện Sơn Dương và một phần của huyện Yên Sơn, lấy đô thị thị trấn Sơn Dương làm đô thị lõi.

Phấn đấu đến năm 2025, thành phố Tuyên Quang hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II và hướng tới các tiêu chí của đô thị loại I, theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ...; thị trấn Sơn Dương đạt tiêu chí đô thị loại IV, định hướng là đô thị công nghiệp, dịch vụ gắn với quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Tân Trào; thị trấn Na Hang, huyện Na Hang theo hướng đô thị loại IV, là đô thị dịch vụ gắn với phát triển du lịch Khu Danh thắng Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình; xây dựng thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV và xây dựng, chỉnh trang thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên theo hướng đô thị loại IV.

Phát triển đô thị động lực đi đôi với mở rộng không gian đô thị và nâng tỷ lệ đô thị hóa. Theo đó, lập quy hoạch chung, xây dựng 16 đô thị mới tại trung tâm các xã có điều kiện thuộc các huyện theo hướng các tiêu chí cơ bản của đô thị loại V, gồm: Thượng Lâm, Phúc Sơn (huyện Lâm Bình); Đà Vị, Yên Hoa (huyện Na Hang); Ngọc Hội, Hòa Phú, Kim Bình, Trung Hà (huyện Chiêm Hóa); Phù Lư, Thái Sơn (huyện Hàm Yên); Mỹ Bằng, Xuân Vân, Trung Sơn (huyện Yên Sơn); Sơn Nam, Tân Trào, Hồng Lạc (huyện Sơn Dương) để mở rộng không gian đô thị vệ tinh; kết nối, phát huy hiệu quả của đô thị động lực, gắn kết phát triển đô thị động lực, đô thị trung tâm với đô thị nông thôn và vùng nông thôn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh một cách hài hòa, có trọng tâm, trọng điểm, phát huy được tiềm năng, lợi thế từng vùng và có tính bền vững cao.

Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin; hệ thống trường học, cơ sở y tế, các thiết chế văn hóa, hạ tầng thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi...); hệ thống cấp nước sinh hoạt, thoát nước và xử lý nước thải đô thị; hệ thống thu gom rác thải, xử lý chất thải rắn đô thị theo quy định; quy hoạch, xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ; công viên, vườn hoa, trồng cây xanh ở các đô thị hiện có và đô thị xây mới... đảm bảo đồng bộ, ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh, công nghệ số gắn với mục tiêu, yêu cầu tăng trưởng xanh, phù hợp với không gian cảnh quan, không gian văn



hóa, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo lập không gian sống hài hòa, chất lượng cao cho Nhân dân; tạo bước đột phá về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

### **3. Về hạ tầng công nghệ thông tin**

Đến năm 2025, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng cáp quang đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ rộng trên phạm vi toàn tỉnh; hoàn thiện hạ tầng đường truyền cáp quang Internet đến tất cả các thôn, tổ dân phố trong tỉnh; hoàn thành việc ngầm hoá, nâng cao dung lượng đường truyền hệ thống mạng cáp quang tại khu vực các phường, các tuyến đường chính tại thành phố Tuyên Quang, khu vực thị trấn các huyện, các tuyến đường, phố có yêu cầu cao về mỹ quan, các khu du lịch, khu di tích, khu đô thị, khu dân cư mới, khu công nghiệp.

Giai đoạn 2021 - 2022, hoàn thành xây dựng khung tham chiếu xây dựng đô thị thông minh tỉnh Tuyên Quang để ứng dụng sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị và phát triển công nghệ thông tin nhằm đồng bộ, thống nhất hạ tầng đường truyền và các ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo yêu cầu phát triển đô thị thông minh.

Xây dựng Công cơ sở dữ liệu dùng chung; nền tảng ứng dụng dùng chung tỉnh Tuyên Quang; cơ sở dữ liệu các lĩnh vực chuyên ngành; đồng thời thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ tỉnh Tuyên Quang. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; triển khai giám sát an toàn, an ninh thông tin 4 lớp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch, thực hiện hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuẩn bị tốt các điều kiện chương trình chuyển đổi số quốc gia nói chung, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số nói riêng. Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin; đào tạo, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ triển khai chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, xây dựng đô thị thông minh.

## **IV- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Về quy hoạch, kế hoạch**

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tích hợp quy hoạch KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT vào các quy hoạch chuyên ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch quốc gia, đảm bảo đồng bộ, chất lượng cao, có tính khả thi cao, phù hợp với yêu cầu phát triển.



Lập và thực hiện quy hoạch phát triển các đô thị, khu dân cư, dịch vụ, thương mại, khu, cụm công nghiệp... dọc các trục đường phát triển đô thị, các tuyến giao thông chính có lợi thế, kết nối vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư dự án, giải quyết việc làm cho người lao động và tăng thu ngân sách cho địa phương.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các dự án, công trình KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đảm bảo đầy đủ, chính xác, lộ trình thực hiện phù hợp.

## **2. Về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

Triển khai đồng bộ các giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực để phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT của tỉnh. Trọng tâm là, tập trung chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các ngành chủ động, quyết liệt, sát sao trong việc tham mưu, đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương đưa danh mục dự án đầu tư KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; bám sát, đề nghị bố trí vốn đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, FDI...

Cân đối, bố trí hợp lý, sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước. Đồng thời, có cơ chế, chính sách, giải pháp, nhất là chính sách khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, các hình thức đầu tư đối tác công tư PPP... để thu hút hiệu quả nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, các thành phần kinh tế, vốn ODA, FDI... tham gia đầu tư quy hoạch, xây dựng KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT, nhất là các dự án, công trình có quy mô lớn, hiện đại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Các huyện, thành phố chủ động lập quy hoạch các khu đất có lợi thế, giá trị cao để khai thác nguồn lực cho phát triển đô thị.

Căn cứ quy định pháp luật, phân cấp hợp lý cho các huyện, thành phố lập quy hoạch, phương án xây dựng phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT để chủ động triển khai thực hiện, nhất là phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng, quy hoạch, xây dựng các trục giao thông phát triển, các khu đô thị, khu dân cư, các dịch vụ thương mại... để tạo không gian, quỹ đất phát triển và thu hút nguồn lực đầu tư từ chính các dự án này.

Đẩy mạnh các giải pháp tăng thu ngân sách, tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên tập trung nguồn lực chi cho đầu tư phát triển, nhất là đầu tư phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT. Đẩy mạnh phương thức “*Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*” để huy động hiệu quả, hợp lý nguồn lực trong Nhân dân, góp phần phát triển nhanh, bền vững KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT, nhất là chương



trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn, chỉnh trang đường giao thông ở các khu dân cư... Khuyến khích, tạo điều kiện và có cơ chế, chính sách phù hợp, ưu đãi để huy động các thành phần kinh tế đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông (*bến xe khách, các tuyến xe buýt, trạm dừng nghỉ, điểm dừng chân, bãi đỗ xe, bến cảng, bến thủy nội địa, cảng cạn...*).

### **3. Về công tác giải phóng mặt bằng**

Rà soát các quy định của tỉnh về đất đai, đầu tư, xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư để kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giải thích cho Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp về chủ trương, chế độ chính sách về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất để Nhân dân đồng thuận thực hiện. Quản lý quỹ đất đã quy hoạch chặt chẽ, tránh lãng phí, tạo thuận lợi khi thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai xây dựng dự án.

Căn cứ quy định pháp luật, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có cơ chế, chính sách về giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để đầu tư, xây dựng quỹ nhà ở, đất ở phục vụ tái định cư... để khuyến khích thu hút các nhà đầu tư phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT, ưu tiên các dự án có tiềm năng, lợi thế phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển vùng, các ngành, lĩnh vực khác, các dự án đảm bảo an sinh xã hội...

### **4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT**

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý Nhà nước ở tất cả các khâu, từ quy hoạch, kế hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng; khai thác, sử dụng, bảo trì KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT theo đúng tiêu chuẩn, kỹ thuật hiện hành và quy định của Nhà nước. Rà soát hệ thống văn bản liên quan đã ban hành, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế. Coi trọng công tác đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng.

Tiếp tục sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy; đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác quản lý, xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT. Xác định rõ trách nhiệm, phân cấp hợp lý cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về quản lý hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT.



## **5. Tiếp tục nâng cao công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; ứng dụng khoa học công nghệ và xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số**

Tập trung thực hiện các giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm thông thoáng, thuận lợi, khắc phục phiền hà và giảm chi phí cho các nhà đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút gọn các thủ tục đầu tư xây dựng...

Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, cập nhật và nâng cấp thành kiến trúc chính quyền số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số: Hoàn thiện trung tâm dữ liệu, xây dựng mạng WAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống các phần mềm dùng chung, dịch vụ số hóa dữ liệu, đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, ký số... phục vụ người dân, các tổ chức, doanh nghiệp và nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, về chính quyền điện tử, chuyển đổi số; tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số trong quản lý điều hành hệ thống chính trị và cải cách thủ tục hành chính của tỉnh. Xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu mở phục vụ người dân, các tổ chức và doanh nghiệp khai thác, sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế số.

## **6. Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT**

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo; quán triệt, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT; xác định đây là một nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tổ chức, cá nhân, nhất là các tầng lớp Nhân dân; là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

Phổ biến, quán triệt sâu rộng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quốc gia và của tỉnh về phát triển hệ



thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT; nâng cao nhận thức về sự cần thiết, ý nghĩa, nội dung, giải pháp về phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT, nhất là xây dựng hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT đồng bộ, hiện đại, thông minh, gắn với mục tiêu, yêu cầu tăng trưởng xanh, phù hợp với không gian cảnh quan, không gian văn hóa, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo lập không gian sống hài hòa, chất lượng cao cho Nhân dân; tạo bước đột phá về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Công khai đầy đủ, kịp thời các quy hoạch, kế hoạch nói chung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nói riêng về phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT để cán bộ, đảng viên và Nhân dân biết, tổ chức thực hiện và giám sát việc quản lý, thực hiện. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong quá trình phát triển hệ thống KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về trật tự, kỷ cương trong quản lý, sử dụng KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT.

## V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, chi tiết để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đã đề ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả theo quy định.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách có liên quan để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết; giám sát chặt chẽ, phát hiện, kiến nghị xử lý, khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thực hiện Nghị quyết, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với thực tế, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra; định kỳ hằng năm đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện; sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KCHTGT, ĐTĐL&HTCNTT; nâng cao ý thức, trách nhiệm, quyền giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết của địa phương.



5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết trong các tầng lớp Nhân dân, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả việc quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức đảng, đảng viên và Nhân dân trong toàn tỉnh để thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (B/c),
- BCS đảng Chính phủ (B/c),
- Các ban đảng, Văn phòng Trung ương Đảng,
- BCS đảng Bộ Giao thông vận tải,
- BCS đảng Bộ Xây dựng,
- BCS đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Đồng chí Chánh, Phó Chánh VPTU,
- Chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**



**Châu Văn Lâm**